

Bản án số: 06/2022/HS-ST

Ngày: 07 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Bốn

Ông Thạch Mu Ni

Ông Lê Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Xoài – Bà Thân Thị Hồng Nữ Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST - HS, ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Ha Li M, sinh năm 1973 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: số 161, đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Đạo hồi; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Sa Lay M, sinh năm 1930 (chết) và bà Zu Ha R, sinh năm 1935 (chết); có chồng Lưu Quốc K, sinh năm 1966; con có 02 người; Tiền án: không; Tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2021 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Ha Li M: Luật sư Trương Hoàng P, Văn phòng Luật sư Trương Hoàng P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định (có mặt).

- Bị hại: ông Trình Quốc T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số 266 Đ, khóm Z, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Sa Phi H, sinh năm 1966. Nơi cư trú: số 161, đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sa Phi H: có Luật sư Nguyễn Thanh H, văn phòng luật sư Thanh H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Lưu Quốc Th, sinh năm 1993. Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3. Bà Y, sinh năm 1971. Nơi cư trú: số 522D, đường M, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, do thiếu nợ tiền vay, tiền thức ăn nuôi cá lóc của nhiều người và cần tiền tiêu xài cá nhân nên Ha Li M nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối với người chị ruột là bà Sa Phi H, sinh 1966, cư trú số 161, đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là thửa đất số 62, tờ bản đồ số 33, địa chỉ ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh nằm trong diện quy hoạch, Nhà nước cần xem xét lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để tiến hành các thủ tục pháp lý bồi thường và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 80, địa chỉ ấp Y, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh có người mua và muốn xem diện tích đất chuyển đổi mục đích đất là bao nhiêu, Ha Li M kêu bà Sa Phi H đưa các giấy tờ đất này để đi kiểm tra và đưa cho người mua đất xem; bà Sa Phi H tin lời Ha Li M là thật nên đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Ha Li M. Mục đích Ha Li M lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Sa Phi H để đem cầm cho ông Trình Quốc T lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Khi lấy được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Sa Phi H, thông qua trang mạng xã hội, Ha Li M dùng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo liên hệ với một người tên Q (không rõ địa chỉ) thỏa thuận làm giả 04 loại giấy tờ, gồm: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 62 và thửa đất số 183; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H với giá 24.000.000 đồng (mỗi giấy là 6.000.000 đồng); các loại giấy tờ này được giao nhận thông qua một người nam thanh niên không rõ họ và tên, địa chỉ tại nơi tạm trú của Ha Li M. Sau đó, Ha Li M tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối như sau: Ha Li M lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 62 và thửa đất số 183 là giấy giả) đưa cho bà Sa Phi H cất giữ; còn lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 62 và thửa đất số 183 là giấy thật) cùng với 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H (gắn ảnh của bị cáo Ha Li M) là giấy giả đến gặp trực tiếp ông Trình Quốc T, sinh 1983, cư trú số 266, đường Đ, khóm Z, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là chủ tiệm cầm đồ Thảo V để thỏa thuận, cam kết và làm hợp đồng chuyển nhượng đối với 02 thửa đất số 62, tờ bản đồ số 33, địa chỉ ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh và thửa đất số 183, tờ bản đồ số 80, địa chỉ ấp Y, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/9/2020 và ngày 03/12/2020 (hình thức giao dịch

theo tờ thỏa thuận, cam kết và hợp đồng chuyển nhượng là cầm đồ); tất cả các thủ tục giao dịch, Ha Li M đều mạo danh ký tên xác nhận là Sa Phi H. Qua giao dịch, nhận thấy người đến cầm đồ có đầy đủ các thủ tục như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giấy chứng minh nhân dân (có ảnh của người trực tiếp giao dịch) nên ông Trình Quốc T tin tưởng giao số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) cho Ha Li M, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 03/9/2020, Ha Li M đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 62, tờ bản đồ số 33, địa chỉ ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, diện tích 841m² (là giấy thật) cùng với 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H (gắn ảnh của bị cáo Ha Li M là giấy giả) đến gặp ông Trình Quốc T chủ tiệm cầm đồ Thảo V để thỏa thuận, cam kết và làm hợp đồng chuyển nhượng với số tiền là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng); các thủ tục hợp đồng do Ha Li M trực tiếp ký xác nhận nhưng ghi họ và tên là Sa Phi H.

- Lần thứ hai: Vào ngày 03/12/2020, Ha Li M đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 183, tờ bản đồ số 80, địa chỉ ấp Y, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, diện tích 385,1m² (là giấy thật) cùng với 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H (gắn ảnh của bị cáo Ha Li M là giấy giả) đến gặp ông Trình Quốc T chủ tiệm cầm đồ Thảo V để thỏa thuận, cam kết và làm hợp đồng chuyển nhượng với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); các thủ tục hợp đồng do Ha Li M trực tiếp ký xác nhận nhưng ghi họ và tên là Sa Phi H.

Số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) đồng chiếm đoạt được, Ha Li M sử dụng vào việc trả nợ tiền vay, tiền thức ăn nuôi cá lóc của nhiều người, trả tiền thuê xe cuốc cải tạo ao hồ, mua máy bơm nước, mua thiết bị phục vụ việc nuôi cá và tiêu xài cá nhân 1.650.000.000 đồng, còn 150.000.000 đồng bị cáo đưa cho bà Sa Phi H đã thu hồi trả lại cho bị hại xong.

Đối với người tên M do Ha Li M thuê làm giả 04 loại giấy tờ, gồm: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 62 và thửa đất số 183; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H không xác định rõ địa chỉ, bị cáo Ha Li M chỉ quen biết thông qua trang mạng xã hội nên Cơ quan điều tra không có thông tin xác minh, điều tra làm rõ để xử lý.

Tại Kết luận giám định số: 24/LKGD, ngày 19/01/2021 kết luận:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ646747, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08476, diện tích 841m² đứng tên Sa Phi H, sinh 1966, CMND số: 334463655, cư trú số: 161, Đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/4/2019 (ký hiệu A1) là giấy giả.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS457914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS17324, diện tích 385,1m² đứng tên Sa Phi H, sinh 1966, CMND số: 334463655, cư trú số: 161,

Đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/9/2019 (ký hiệu A2) là giấy giả.

- Kết luận giám định số: 58/LKGD, ngày 05/02/2021 kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Sa Phi H trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với chữ ký, chữ viết của Ha Li M trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M8) do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, các Kết luận giám định đã xác định: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất số 62 và thửa đất số 183) Ha Li M trả lại cho bà Sa Phi H cất giữ là giấy giả. Các thủ tục để thỏa thuận, cam kết và làm hợp đồng chuyển nhượng đối với 02 thửa đất số 62 và thửa đất số 183 là do Ha Li M ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-P1 ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Ha Li M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ha Li M thống nhất với nội dung bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-P1 ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng với hành vi của bị cáo, không oan. Đồng thời, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng, cũng không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý trả cho bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Bị hại ông Trình Quốc T yêu cầu Hội đồng xét xử xử theo quy định pháp luật và đồng ý thỏa thuận với bị cáo Ha Li M trả lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chứng minh bị cáo Ha Li M lợi dụng sự tin tưởng của chị ruột bà Sa Phi H để đưa ra thông tin gian dối là hai thửa đất của bà Sa Phi H đang nằm trong diện quy hoạch và có người hỏi mua nhằm lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuê người làm giả 01 giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân và giấy chứng minh nhân dân của bà Sa Phi H gắn hình ảnh của bị cáo rồi đóng giả bị cáo là bà Sa Phi H đem cầm cho ông Trình Quốc T lần với số tiền 500.000.000 đồng và 1.300.000.000 đồng tổng cộng hai lần là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) đem trả nợ và tiêu xài cá nhân không còn khả năng trả lại. Ngoài ra bị cáo còn làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa trên đưa cho bà Sa Phi H, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo và phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174;

khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Ha Li M từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Ha Li M từ 03 đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho hai tội từ 10 năm đến 12 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại áp dụng 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Trình Quốc T số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.650.000.000 đồng.

Giao cho cục thi hành án dân sự tiếp tục quản lý số tiền 220.000.000 đồng để đảm bảo Thi hành án.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Ha Li M cho rằng:
Thống nhất với cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và thống nhất với quan điểm của kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ mà Vị kiểm sát viên trình bày, đề nghị trong phần luận tội và thống nhất đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” giảm nhẹ cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Ha Li M: xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ vào quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận bị cáo đưa ra thông tin gian dối đất bà Sa Phi H đang nằm trong diện quy hoạch và có người hỏi mua để chỉ ruột bị cáo tin đưa hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 62, tờ bản đồ số 33, và thửa 183, tờ bản đồ số 80, nhằm lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi có được giấy để bà Sa Phi H không phát hiện bị cáo thuê người làm giả hai giấy chứng nhận giống như hai giấy thật đưa lại cho bà Sa Phi H sau đó tiếp tục thuê người làm giả 01 giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân và giấy chứng minh nhân dân của bà Sa Phi H gắn ảnh của bị cáo và nói dối ông Trình Quốc T bị cáo chính là bà Sa Phi H là người đứng

tên trong giấy tờ, ông T tin nên đồng ý cầm hai lần với số tiền 500.000.000 đồng và 1.300.000.000 đồng, tổng cộng hai lần là 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) sau khi có được tiền bị cáo đưa cho bà Sa Phi H 150.000.000 đồng và nói là tiền cọc người khác mua đất nhưng thực tế không có ai mua nhằm củng cố lòng tin của bà Phi H, số tiền còn lại bị cáo đem trả nợ cá nhân và tiêu xài cá nhân không còn khả năng trả lại.

Bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai không bị tác động nào từ những người có thẩm quyền, đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là nhất quán, không thay đổi, cho thấy lời khai của bị cáo là khách quan, trung thực, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hai khách thể độc lập, quan trọng là “quyền sở hữu về tài sản” và “trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan nhà nước” mà bộ luật hình sự bảo vệ và mỗi lần thực hiện hành vi đều thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Ha Li M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và khung hình phạt.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự.

Với tuổi đời của bị cáo, bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của họ và hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Khi thực hiện hành vi bị cáo tính toán và chuẩn bị đầy đủ giấy tờ để chứng minh bị cáo chính là bà Sa Phi H như làm giả 01 giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân và 01 giấy chứng minh nhân dân gắn ảnh bị cáo đều mang tên bà Sa Phi H rồi hai lần đem đến tiệm cầm đồ Thảo V 2 do ông Trình Quốc T làm chủ và đóng giả bị cáo chính là bà Sa Phi H với mục đích cầm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt tiền của anh Trình Quốc T và cả hai lần đều cấu thành tội phạm. Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức cụ thể là 01 giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân và 01 giấy chứng minh nhân dân của bà Sa Phi H gắn ảnh của bị cáo, các loại giấy tờ này là giả do chính bị cáo thuê người khác làm ra và bị cáo đã sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và thực hiện tội phạm nhiều lần, số tiền chiếm đoạt rất lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, xem thường tính kỷ cương của pháp luật mà còn làm mất uy tín, giảm lòng tin của nhân dân vào cơ quan tổ chức, dễ góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi

của bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo để xem xét toàn diện, khách quan khi quyết định hình phạt đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự là phạm tội hai lần trở lên; Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần nhỏ hậu quả với số tiền 220.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng vụ án:

+ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa đất số 62, tờ bản đồ số 33 và thửa đất 183, tờ bản đồ số 80.

+ 01 (một) bao thư Viettel post đã bị bóc tách có ghi thông tin người nhận Sa Phi H, số điện thoại 0938312429, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) bao thư Viettel post đã bị bóc tách có ghi thông tin người nhận Lưu Gia L, số điện thoại 0938312429, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 183, tờ bản đồ 80 gồm 02 tờ bản chính, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) đơn xin xác nhận ngày 22/12/2020 do Huỳnh Kim D ký bản chính, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) tờ thỏa thuận và cam kết ngày 03/12/2020 có chữ ký của ông Trình Quốc T bản chính, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) tờ tường trình sự việc của Huỳnh Kim D bản gốc.

+ 01 (một) quyển tập học sinh MGP màu xanh bên trong có 06 trang được đánh số từ 01 đến 06, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H (gắn ảnh của bị cáo Ha Li M) là giấy giả (bản phô tô).

Đây là các vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo Ha Li M nên nộp lưu vào hồ sơ vụ án.

- Về đồ vật tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Oppo bị cáo sử dụng liên lạc đặt làm giấy tờ giả là liên quan đến hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Trình Quốc T số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Đối với số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) mà bị cáo đã tác động gia đình do ông Lưu Quốc Th và bà Y nộp khắc phục hậu quả tiếp tục giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh cho bị cáo phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đề nghị của Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là không có căn cứ không phù hợp quy định của pháp luật vì bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, do đó không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Ha Li M phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Ha Li M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ha Li M 07 (Bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ha Li M 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Ha Li M phải chấp hành là 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2021.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CQ646747, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS08476, diện tích 841m² đứng tên Sa Phi H, sinh năm 1966, CMND số: 334463655, cư trú số: 161, đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/4/2019 là giấy giả.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS457914, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS17324, diện tích 385,1m² đứng tên Sa Phi H, sinh năm 1966, CMND số: 334463655, cư trú số: 161, đường B, khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/9/2019 là giấy giả.

+ 01 (một) bao thư Viettel post đã bị bóc tách có ghi thông tin người nhận Sa Phi H, số điện thoại 0938312429, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) bao thư Viettel post đã bị bóc tách có ghi thông tin người nhận Lưu Gia L, số điện thoại 0938312429, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 183, tờ bản đồ 80 gồm 02 tờ bản chính, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) đơn xin xác nhận ngày 22/12/2020 do Huỳnh Kim D ký bản chính, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) tờ thỏa thuận và cam kết ngày 03/12/2020 có chữ ký của ông Trình Quốc T bản chính, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 (một) tờ tường trình sự việc của Huỳnh Kim D bản gốc.

+ 01 (một) quyển tập học sinh MGP màu xanh bên trong có 06 trang được đánh số từ 01 đến 06, có chữ ký xác nhận của bị cáo Ha Li M.

+ 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Sa Phi H (gắn ảnh của bị cáo Ha Li M) là giấy giả (bản phô tô).

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Oppo đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ha Li M bồi thường cho bị hại anh Trình Quốc T số tiền 1.650.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) do ông Lưu Quốc Th là con của bị cáo nộp theo biên lai thu số 0002322 ngày 22/7/2021 và bà Y chị bị cáo nộp (do bà Nguyễn Thị Kim T nộp thay bà Y) tại biên lai thu số 0002326 ngày 22/9/2021 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Ha Li M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 61.500.000 đồng (Sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh,
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành